

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM  
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 27/11/2020*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

**Tập 14**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem hai câu kinh văn tiếp theo:

**Thiện lập phương tiện, hiển thị Tam thừa.**

*Khéo lập phương tiện, hiển thị Tam thừa.*

Thiện là thiện xảo, vô cùng xảo diệu. Tâm địa tự tánh thanh tịnh, chẳng lập một pháp. Năm xưa Phật còn tại thế, lập nên pháp Tam thừa. Tam thừa là Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa. Tam thừa là tùy thuận chúng sanh mà lập ra, trong quan niệm của Phật không có điều này, không những không có tam thừa, mà nhất thừa cũng không có. Có nhất thừa cũng là sai lầm.

Vậy thì tại sao lại có thuyết nhất thừa, tam thừa? Đó là vì nhu cầu giáo hóa chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật Bồ-tát tự nhiên có ứng.

Chúng ta nên nhận thức như thế này, pháp nhất thừa lập ra để đối lập với pháp tam thừa, nhất định không được chấp trước. Nếu bạn thật sự chấp trước có nhất thừa có tam thừa, vậy thì sai rồi, đó là vọng tưởng, phân biệt. Các vị Bồ-tát trong hết thủy cội nước chư Phật đều tùy duyên độ chúng, nên dùng thân nào để độ chúng sanh thì Bồ-tát hiện thân đó độ thoát.

Sách Pháp Hoa Nghĩa Sớ giải thích về phương tiện như sau: “Phương tiện là tên của thiện xảo, thiện xảo là ứng dụng của trí”. Phương tiện là tên của thiện xảo. Bình thường chúng ta hay nói hai từ này cùng nhau là phương tiện thiện xảo. Ví dụ như người nào đó giỏi thuyết pháp, có thể dùng phương pháp xảo diệu cứu độ chúng sanh, thì gọi là thiện xảo. Nói rõ hơn một chút, thiện xảo là ứng dụng của trí tuệ. Tác dụng hiển hiện ra từ bản thể trí tuệ gọi là phương tiện.

Kinh Duy-ma-cật nói như sau: “Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát, phương tiện được xem là cha”. Chúng ta xem đại trí tuệ là gốc, theo đó mà lập ra pháp môn, ứng cơ thuyết pháp, tùy duyên cứu độ, đây là phương tiện. Phương tiện rất quan trọng, là cha của chúng sanh.

Hội Sớ nói phương tiện có hai loại:

*Loại thứ nhất là:* “Hiểu sâu về Không mà chẳng chấp tướng thọ chứng”.

Câu này có hai cách lý giải:

Đầu tiên là có lý giải sâu sắc về Không, chẳng phải lý giải và giải thích nông cạn, mà là đạt đến cảnh giới liễu đạt, khai giải đối với Không. Hay nói cách khác, đối với Không đã đạt đến mức độ hiểu sâu nghĩa thú. Nói rõ hơn một chút là triệt để thông đạt đối với Không.

Thứ hai là chẳng chấp tướng Không, cũng chẳng chứng Không. Đây là chỗ cao minh. Tại sao có đốn pháp, có tiệm pháp? Tại sao chúng ta đem đốn pháp tu thành tiệm pháp? Là bởi vì những chuyện vướng mắc của chúng ta quá nhiều, vừa chấp tướng, vừa chấp chứng, cũng giống như người đi trên đường, đi rồi dừng, dừng rồi lại đi, chấp tướng rồi; chấp chứng thì nhất định phải dừng lại, cho nên bị chậm. Người cao minh, người có trí tuệ thì tin tưởng lời Phật nói, cho nên đối với hết thảy đều không chấp chứng, thẳng tới A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Chuyện này là thế nào? Nói thẳng ra là đi đường tắt. Ví dụ như bạn đi thang máy, giữa đường không ngừng, thẳng tới tầng cao nhất tầng thứ 200 của tòa nhà cao chọc trời, đây là thẳng tới Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại ví như chúng ta đi máy bay, có bay thẳng, có trung chuyển, bạn chọn loại nào?

*Loại thứ hai là:* do diệu lý thật tướng cực sâu, cực diệu, trình độ chúng sanh quá thấp, không cách nào tin tưởng và tiếp nhận, cho nên dùng phương pháp phương tiện thiện xảo để dạy dỗ khuyến bảo.

Đề tôi kể cho mọi người nghe câu chuyện về Ngư Lam Quán Âm:

Có một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp, tay cầm giỏ trúc, trong giỏ trúc có một con cá, người này là do Quán Âm Bồ-tát hóa hiện ra, gọi là Ngư Lam Quán Âm. Có một thôn chài nhỏ làm nghề đánh cá mưu sinh, một hôm thiếu nữ xinh đẹp này tới thôn, cùng ngư dân đánh cá. Rất nhiều thanh thiếu niên cầu hôn cô gái. Cô gái nói: nhiều

người như vậy ta biết gả cho ai? Mọi người hãy mang quyển Tâm kinh này về đọc, ngày mai ai có thể đọc thuộc thì ta sẽ gả cho người đó. Ngày thứ hai, có rất nhiều người học thuộc được, thế là cô gái đưa phẩm Phở Môn cho những người đã thuộc Tâm Kinh. Cô nói: ba ngày sau ai có thể thuộc phẩm Phở Môn thì ta sẽ gả cho người ấy. Ba ngày sau, có bảy người đọc thuộc được phẩm Phở Môn, đương nhiên vẫn chưa được. Thế là cô gái lại đưa cho bảy người cuốn kinh Pháp Hoa. Mấy ngày sau chỉ có một người thuộc được, thiếu nữ giữ lời gả cho người đó. Người thanh niên này họ Mã, hai người liền kết hôn. Đêm động phòng hoa chúc, đang tiệc chúc mừng, tân nương cảm thấy không thoải mái, trong phút chốc liền qua đời. Mọi người rất đau buồn. Một năm sau có một vị hòa thượng tới thôn, nghe mọi người bàn tán câu chuyện này, hòa thượng nói, sao mọi người lại ngu ngốc như vậy, đó là Quán Thế Âm Bồ-tát tới cứu độ các người. Chỗ các người có nạn, Quán Thế Âm Bồ-tát tới dạy các người đọc kinh tiêu tai! Mọi người không tin lời hòa thượng nói, bèn đào mộ mở quan tài khám nghiệm. Vừa mở ra liền thấy quan tài trống không, lúc này mọi người mới tin rằng lời hòa thượng nói là thật. Từ đó câu chuyện vợ chàng họ Mã là Ngu Lam Quán Âm được lưu truyền ra ngoài.

Sự dẫn dụ này, thiện xảo nhất không gì qua được Quán Thế Âm Bồ-tát, trước tiên dùng dục vọng để dẫn dụ, sau đó khiến nhập chánh đạo. Thứ chúng sanh muốn là dục, dùng đó để dẫn dụ chúng sanh, đây là phương tiện. Mục đích cuối cùng là hy vọng mọi người nhập chánh đạo.

Đức phương tiện vô cùng rộng lớn, đối với người vốn không thể tin thọ khiến họ tin thọ, khiến người vốn không được cứu độ được cứu độ, đây là hiển lộ đại từ bi, đại trí tuệ đến cực điểm. Nếu như không có đại bi thì sẽ không chịu đựng tâm như vậy; nếu như không có đại trí tuệ thì không thể bày ra phương pháp tùy căn cơ mà giáo hóa. Cho nên phương tiện là cha của Bồ-tát. Dùng đủ loại sự dẫn dụ để khiến chúng sanh ngộ dần mà đắc độ, đây gọi là “thiện lập phương tiện”, thiện xảo tạo ra phương pháp phương tiện độ chúng sanh.

“*Hiển thị tam thừa*”. Tam thừa chính là La-hán thừa, Bích-chi Phật thừa, Bồ-tát thừa. Phẩm Thí Dụ trong kinh Pháp Hoa nói: Như Lai có thể cho hết thầy chúng sanh pháp nhất Phật thừa, pháp mà tương lai đều thành Phật, nhưng không phải hết thầy chúng sanh đều có thể tiếp nhận. Cho nên nói đến Pháp Hoa, Phật thuyết pháp 49 năm bồi dưỡng giáo dục, sau cùng vẫn có 5.000 người rời khỏi hội, không thể tin

nhận. Do đó, chư Phật nhờ vào lực phương tiện này, một cái nhất Phật thừa nói thành tam thừa, có La-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát.

Ví dụ về ngôi nhà cháy trong kinh Pháp Hoa: có một vị đại trưởng giả nhìn thấy các con trai của mình đang ở trong ngôi nhà cháy, liền nói với chúng lửa sắp thiêu thân rồi, các con mau chạy ra! Nhưng mà các con ham chơi, không chịu chạy ra. Trưởng giả nghĩ ra biện pháp phương tiện, nói rằng ngoài đây có xe dê, xe nai, xe trâu, rất vui, các con mau ra đây đi! Những đứa trẻ liền chạy ra xem mới không bị chết cháy trong nhà. Ông cho chúng điều gì? Thứ cho chúng là mỗi đứa đều được một chiếc xe trâu trắng lớn, vượt ngoài sự tưởng tượng của chúng, ai cũng được cưỡi xe trâu trắng lớn, đều thành Phật, đây là hàm nghĩa của “thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa”.

Các vị Bồ-tát tại gia xuất gia đều có đủ thánh đức như vậy, đến tham gia pháp hội kinh Vô Lượng Thọ, nghe Thích-ca Mâu-ni Phật thuyết kinh Vô Lượng Thọ, do đó mà chúng ta phải biết trân trọng bộ kinh này.

Chúng ta học Phật là học điều gì? Chính là học Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chánh giác là A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác là Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thành Phật. Cho nên Phật, Bồ-tát, A-la-hán là danh xưng của ba học vị, mỗi người đều có thể lấy được. Điều kiện gì để có thể lấy được? Đó là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu bạn chỉ có Tam-bồ-đề, học vị mà bạn lấy được là A-la-hán, Bích-chi Phật; nếu như là Tam-miệu Tam-bồ-đề, chánh đẳng chánh giác, thì đó là Bồ-tát; nếu như thêm vô thượng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây là Phật, học vị cao nhất, không còn học vị nào cao hơn nữa. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ sự thật này, lấy được ba học vị này không hề liên quan tới việc bạn đọc bao nhiêu kinh điển, tụng Phật bao nhiêu tụng. Vậy liên quan tới điều gì? Liên quan đến câu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Bạn có được quả vị thế nào, hoàn toàn đều ở trong câu nói này.

Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều là vì một câu này, hơn nữa toàn bộ đều có thể chứng đắc, thực sự là pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Kinh Thánh của đạo Ki-tô có được không? Được! Kinh Koran của đạo Hồi có được không? Được! Chỉ cần “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, “đọc sách ngàn lần, nghĩa kia tự hiểu” thì đều có thể khai ngộ, không chỉ là tám vạn bốn ngàn pháp môn trong đạo Phật. Cho nên, sau Phật giáo còn có vô lượng pháp

môn, bao hàm hết thảy pháp thế gian, không có pháp nào không thể đạt tới cảnh giới này. Nhà Phật thường nói Phật pháp vô biên, không có biên giới, có pháp nào không phải là Phật pháp chứ? Đại đức trong Tông môn thường hỏi: bạn biết không? Biết thì thảy đều là Phật pháp; không biết thì không có pháp nào là Phật pháp, kinh Vô Lượng Thọ cũng không phải là Phật pháp. Cho nên có thể điều phục chúng sanh khiến cho họ quy hướng chúng đấng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề thì gọi là phương tiện.

Giáo hóa chúng sanh không có phương pháp nhất định, ý niệm của chúng sanh thường xuyên thay đổi, phương pháp của Bồ-tát cũng theo đó mà thay đổi. Dù thay đổi thế nào cũng không vượt khỏi phương tiện thiện xảo của các ngài, diệu pháp này gọi là diệu huệ.

Lão hòa thượng Hải Hiền nói với chúng ta: A-di-đà Phật, chư Phật Như Lai có phương tiện xảo diệu, xảo diệu đến cực điểm, giúp chúng ta trong một đời này khế nhập cảnh giới, phương tiện thiện xảo này chính là câu Phật hiệu A-di-đà Phật. Câu Phật hiệu này là gì? Câu Phật hiệu này là hết thảy pháp, hết thảy pháp viên mãn, không bỏ sót pháp nào, vi diệu tột cùng! Hết thảy chư Phật, hết thảy danh hiệu chư Phật, hết thảy công đức viên mãn rất ráo mà chư Phật tu chứng đều ở trong câu Phật hiệu này.

Mời xem hai câu kinh văn tiếp theo:

**Ư' thử trung hạ, nhi hiện diệt độ.**

*Đối với hàng trung căn và hạ căn thì thị hiện diệt độ.*

Ý nghĩa của hai câu này rất sâu. Đây là tướng thứ tám Bát Niết-bàn trong tám tướng thành đạo. Xưa dịch Niết-bàn là diệt độ, nay dịch là viên tịch. Diệt độ là diệt nhân quả sanh tử, vượt dòng lũ sanh tử. Bờ bên này là sanh tử, giữa dòng là phiền não, bờ bên kia là Niết-bàn. Vượt qua dòng lũ phiền não, bước sang bờ kia là hàm nghĩa của “diệt độ”. Kinh Niết-bàn nói: “Diệt các phiền não gọi là Niết-bàn. Lìa các hữu mới gọi là Niết-bàn”.

Viên tịch, “đức không gì chẳng đủ gọi là viên, chướng không gì chẳng hết gọi là tịch”, đây là giải thích trong sách Tâm Kinh Lược Sớ của ngài Hiền Thủ. “Thề cùng chân tánh, diệu tuyệt tướng lụy là tịch”, bản thể cùng tận chân tánh, không có

bất kỳ khoảng cách, mơ hồ hay khiếm khuyết nào, xứng tánh, tận tánh, đây gọi là “thể cùng chân tánh”. “Diệu tuyệt tướng lục” là dứt tuyệt hết thấy vướng mắc vào tướng, hết thấy tướng không thể tăng thêm phiền phức cho mình nữa, không bị vướng mắc vào hết thấy tướng thì gọi là tịch. Đây là cách giải thích “viên tịch” của sách Chân Giải.

Đức Phật thị hiện diệt độ cho ai xem? “Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ”. Hai câu này đã nói cho chúng ta biết, đức Phật thị hiện diệt độ là ứng với hàng căn cơ trung, hạ, để cho người căn tánh trung, hạ thấy. Không phải để cho người thượng căn thấy. Tại sao vậy? Người căn tánh thượng đẳng thấy Phật không có diệt độ. Phật vốn không sanh thì làm gì có diệt? Phật không sanh không diệt. Có thể thấy, chúng ta còn thấy tướng sanh diệt nên chúng ta là người căn tánh trung, hạ.

Tại sao đức Phật phải thị hiện diệt độ? Phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa nói: “Nếu Phật trụ lâu ở đời, thời người đức mỏng, chẳng trông thiện căn, bản cùng hạ tiện, tham đắm ngũ dục, rơi vào trong lưới nhố tướng, vọng kiến”. Ý của câu này là nếu đức Phật vì chúng ta thị hiện vô lượng thọ, không sanh không diệt, thường trụ tại thế gian thì có lợi đối với mọi người không? Đối với người thượng thượng căn có lợi, bậc thượng trí không trụ sanh tử, không trụ Niết-bàn, cho nên có lợi cho người thượng thượng căn. Đối với người trung, hạ căn không có lợi. Tại sao vậy? Phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa nói: “Nếu thấy Phật trụ lâu ở đời, thời người đức mỏng, chẳng thể sanh ra ý nghĩ khó gặp và tâm cung kính. Vì vậy, đức Như Lai tuy chẳng thật sự diệt mà nói là diệt độ”. Cho nên Thích-ca Mâu-ni Phật nhập diệt trong rừng Song Thọ chỉ là thị hiện, thị hiện cho người trung, hạ căn thấy. Đây cũng là biểu hiện cụ thể đại từ đại bi, đại trí đại tuệ, phương tiện thiện xảo của đức Phật.

Chư Phật Bồ-tát thị hiện diệt độ, mục đích là để giúp bạn thường sanh tâm cảnh giác, bạn sẽ nghĩ rằng thân người khó được, Phật pháp khó được nghe, gặp được một lần không dễ dàng, cơ hội này đánh mất rồi, phải trải qua vô lượng kiếp rồi lại vô lượng kiếp mới gặp lại được một lần, cho nên phải vô cùng trân trọng.

Nếu như đức Phật trụ thế lâu dài thì chúng ta không sanh nổi tâm này, thường xuyên gặp Phật thì sẽ sanh tâm cống cao ngã mạn, chán ghét, lười biếng tu hành, sau đó thoái chuyển, không thể sanh ra suy nghĩ khó gặp, không thể sanh tâm cung kính. Chỉ có khó được, khó cầu thì tâm cung kính mới thật. “Vì vậy, đức Như Lai tuy chẳng thật sự diệt mà nói là diệt độ”. Hãy chú ý! Lời này là thật. Như Lai có diệt độ

hay không? Không có. Như Lai chứng đắc không sanh không diệt, ngài làm sao mà diệt độ được? Diệt độ là do ngài thị hiện, ngài biểu diễn, không phải là thật. Sự thật đó là không sanh không diệt, ngài làm sao lại diệt độ.

“Chẳng phải diệt độ lại hiện có diệt độ nên gọi là thị hiện. Thị hiện như vậy là độ người căn cơ trung, hạ”, là để độ người, nếu như không vì độ người thì ở thêm vài năm, hay bớt đi vài năm ngài đều có thể làm được.

Ngài từ đâu đến? Ngay tại lúc này, “ngay nơi đó sinh ra, cũng ngay nơi đó mất đi”, câu này trong kinh Lăng Nghiêm nói. Tại sao vậy? Pháp thân của ngài trọn khắp pháp giới, không hề rời khỏi chúng ta. “Bình đẳng thường trụ như pháp thân”, ai biết điều này? Không ai biết, Pháp thân Bồ-tát biết, người chân chánh tu học Tịnh tông biết, biết nhưng chưa chứng đắc.

Pháp thân không có hình tướng, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Cũng giống như ánh đèn vậy, mười mấy ngọn đèn đều thấp lên, ánh sáng dung hòa vào nhau. Tắt đi một ngọn đèn cũng không chướng ngại ngọn đèn khác. Thành Phật nhập Thường Tịch Quang cũng là như vậy. Cho nên Pháp thân Bồ-tát ở đâu? “Không nơi nào không ở, không lúc nào không có”. Bạn ở đây có cảm, các ngài liền có ứng, liền hiện thân. Người thượng căn biết được, Như Lai, Pháp thân Bồ-tát “chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu”. Không có đến đi, chỉ có ẩn hiện. Chúng ta có cảm thì ngài hiện; chúng ta không có cảm thì ngài không hiện, ẩn mất rồi. Có ẩn hiện, không có sanh diệt. Chúng ta nói Không, Không không phải là không có, Không là trạng thái ẩn, Hữu là trạng thái hiển hiện, hiển hiện không thể nói là có.

Có một công án như thế này: Đại sư Trí Giả đọc đến phẩm Dược Vương của kinh Pháp Hoa “tận mắt thấy hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan”. Đây là ngài đọc kinh, bật hết vọng tưởng, không còn tạp niệm, thật sự là dùng tâm thanh tịnh bình Đẳng Giác đọc kinh. Đọc tới phẩm này thì nhập định. Trong định ngài tới núi Linh Thứu, Thích-ca Mâu-ni Phật đang giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, ngài cũng tham gia pháp hội. Sau khi xuất định ngài nói cho người khác nghe, hội Linh Sơn của Thích-ca Mâu-ni Phật còn chưa tan, bây giờ vẫn còn đang giảng. Hội đã tan hay chưa? Chưa tan hội. Nhất thời đốn hiện, nếu bạn có duyên này thì cảm ứng hiện tiền, bạn sẽ nhìn thấy. Đây không phải là ảo giác, không phải là vọng tưởng mà là thật, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ những chân tướng sự thật này, thật sự không được chấp trước. Nên buông xuống cái giả, để thanh tịnh bình Đẳng Giác của chính mình được khôi phục. Thanh tịnh bình Đẳng Giác là chân tâm, thanh tịnh bình Đẳng Giác là tánh đức, là đức năng căn bản của tự tánh. Vốn sẵn thanh tịnh, vốn sẵn bình đẳng, vốn sẵn giác mà không mê. Giác mà không mê tức là chuyện gì bạn cũng biết, chuyện gì bạn cũng hiểu rõ. Chuyện thế gian, xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, không có chuyện gì bạn không biết. Biết nhưng không nói, chỉ nói với bạn những gì bạn tiếp nhận được thì nói bấy nhiêu, sẽ không vượt quá [những gì bạn tiếp nhận được]. Tại sao vậy? Vượt quá thì bạn không hiểu, bạn không thể tiếp nhận, bạn sẽ sanh ra hoài nghi, không có lợi đối với bạn. Hiện thân thuyết pháp đều không nhất định, không có pháp cố định nào để nói, cũng không có hình tướng nhất định để hiện. Hay là hay ở chỗ này, thật sự là hay không thể tả được, không thể nghĩ bàn. Khi bạn thật sự khế nhập cảnh giới này, bạn mới thực sự cảm nhận được chỗ hay không thể tả này được.

Mời xem câu kinh văn tiếp theo:

### **Khai hóa hiển thị, chân thật chi tế.**

Câu này không chỉ khái quát toàn bộ kinh, mà còn là căn nguyên một đời thánh giáo của Thế Tôn, hết thầy giáo hóa đều ở trong một câu này.

Trong kinh Vô Lượng Thọ có ba điều chân thật, “chân thật chi tế” là một trong ba điều chân thật. Ba điều chân thật này nếu như nói là chỗ thù thắng của kinh Vô Lượng Thọ thì cũng không hề quá chút nào.

“Khai” là khuyến bảo, khai thị, cũng là dạy học. “Hóa” là chỉ thành tích. Dạy học trò, sau khi học trò tiếp nhận lời dạy, tâm hạnh sanh ra biến hóa. Trước đây tiêu chuẩn giáo dục của nhà Nho là thay đổi khí chất, thay đổi khí chất phàm tục thành thánh hiền, cho nên đọc sách chí tại thánh hiền, nâng cao đức hạnh của chính mình.

Hóa có ba cấp bậc thượng trung hạ: thượng phẩm là thánh nhân; trung phẩm là hiền nhân; hạ phẩm là quân tử, đây là tiêu chuẩn của giáo học của nhà Nho.

Giáo học nhà Phật cũng có ba tiêu chuẩn, ba phẩm thượng trung hạ: thượng phẩm là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật; trung phẩm là thành Bồ-tát; hạ phẩm là thành A-la-hán.



Trong pháp môn niệm Phật cũng có ba phẩm thượng trung hạ: thượng phẩm là thành tựu Lý nhất tâm bất loạn; trung phẩm là thành tựu Sự nhất tâm bất loạn; hạ phẩm là thành tựu công phu thành thiền.

“Giáo” tiếp đó phải có “hóa”, giáo mà không hóa thì không có tác dụng, uổng công dạy. Khai là khai thị, khuyến bảo, cũng là giáo. Học trò nhất định phải thay đổi khí chất, siêu phàm nhập thánh.

Nội dung giáo học là “hiển thị chân thật chi tế”. Chân thật chi tế chính là bản tánh chân như, cũng là thật tướng các pháp, chân tướng của vũ trụ nhân sinh. “Hiển” là hiển bày rõ ràng; “thị” là chỉ ra. Chúng ta vốn mê, nhìn không rõ ràng, Phật hiển thị chân thật cho chúng ta, giúp chúng ta hiểu rõ, giúp chúng ta khế nhập vào cảnh giới này. Cho nên giáo học Phật pháp vượt qua hết thủy pháp thế gian. Hết thủy giáo dục thế gian không thể sánh với Phật pháp, chỉ có giáo dục Phật giáo chân thật mới giúp chúng ta triệt để hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sinh. Nhân sinh là chính mình, vũ trụ là hoàn cảnh chúng ta sinh sống. Phật pháp dạy chúng ta nhận thức chính mình, nhận thức hoàn cảnh chúng ta sinh sống.

Mọi người nghĩ mà xem, chúng ta có thể không học sao? Không học thì chúng ta vĩnh viễn là kẻ mê hoặc điên đảo. Phật pháp không phải dạy chúng ta trẻ mãi không già, không phải dạy chúng ta sanh lên cõi trời, Phật pháp dạy chúng ta nhận thức chính mình, nhận thức chân tướng hoàn cảnh chúng ta sinh sống, trong này không hề có mê tín.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà thị hiện ở đời”, “chỉ là đem tri kiến Phật, dạy chúng sanh giác ngộ”, hai câu này tức là nói: khai tri kiến Phật, thị tri kiến Phật cho chúng sanh, khiến chúng sanh ngộ tri kiến Phật, nhập tri kiến Phật.

“Khai hóa” là khai, “hiển thị” là thị, “chân thật chi tế” là tri kiến Phật. Nhưng tri kiến Phật “không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu”. Tri kiến của chúng sanh đều là tình kiến, khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, cho nên căn bản không thể hiểu được sở tri sở kiến của Phật. Do đó tri kiến Phật không chỉ là chúng sanh chưa hiểu rõ mà là không thể hiểu rõ. Cho nên, khai thị ngộ nhập tri kiến Phật cũng chính là “khai hóa hiển thị chân thật chi tế”, chỉ vì một đại sự nhân duyên mà Thế Tôn xuất hiện trên thế gian này. Chúng sanh học Phật thì phải triệt để đập

tan tri kiến chúng sanh của chính mình, như thật khế nhập tri kiến chư Phật, cũng tức là chân thật chi tế.

Chúng ta học Phật nhiều năm, kinh điển đọc không ít, niệm Phật cũng không ít, lạy Phật cũng không ít, tham gia các pháp hội cũng không ít, tại sao vẫn chậm chạp, chưa thể khế nhập tri kiến Phật? Nguyên nhân căn bản là do chúng ta, khoan nói đến việc đập tan tri kiến chúng sanh của chính mình, mà là ngoan cố chấp trước vào tri kiến chúng sanh của chính mình.

Lấy một ví dụ đơn giản cho dễ hiểu, chính là phê bình và tự mình phê bình. Nhìn xung quanh chúng ta, rồi nhìn lại chính chúng ta, hiện nay phê bình người khác nhiều, tự mình phê bình ít, thậm chí là rất ít khi thấy tự mình phê bình. Nếu như có thì cũng rất ít người thật lòng thật ý. Con người hiện nay, đặc biệt là người trẻ tuổi thích được chiều chuộng, thích được dỗ dành, thích được nịnh, một chút xiu phê bình cũng không nghe lọt tai. Đừng nói là phê bình, chỉ là đưa ra ý kiến góp ý, nếu không theo ý của họ thì ngay lập tức mặt tỏ ra khó chịu, thật sự là không thể đựng vào mông hồ được. Chuyện như vậy lúc nào cũng có thể gặp trong cuộc sống thường ngày của chúng ta. Người như vậy đến tri kiến của chính mình cũng không buông được thì còn nói gì tới khế nhập tri kiến của Phật?

Trí Độ Luận nói: *như, pháp tánh, thật tế*, cả ba từ này đều là tên gọi khác nhau của thật tướng các pháp. Cũng như chân như, pháp tánh (Phật tánh), thật tế, thật tướng là tên gọi khác nhau của cùng một bản thể, vốn đều là một thể.

Lấy một ví dụ cho mọi người nghe liền hiểu: tôi tên là Lưu Tố Vân, ba mẹ chồng, mẹ tôi, chị tôi đều quen gọi tôi là Tiểu Vân; ở cơ quan sở trưởng lớn tuổi hơn gọi tôi là Tố Vân; sau khi học Phật, pháp sư thượng Giác hạ Ngô đặt cho tôi pháp hiệu là Xương Tịnh, nhưng pháp sư Giác Ngô vẫn gọi tôi là Tố Vân; Phật sống Lạp Mã Giao Hương Căn đời thứ 15 đặt pháp hiệu cho tôi là Đạt Nhiệt Lạp Mẫu. Mọi người nghĩ thử xem, Lưu Tố Vân, Tố Vân, Tiểu Vân, Xương Tịnh, Đạt Nhiệt Lạp Mẫu có phải đều là tôi không? Nói dễ hiểu một chút, trẻ con thường có tên giấy tờ, còn có tên ở nhà, tên giấy tờ và tên ở nhà không phải đều là đứa trẻ đó sao?

Tiếp theo chúng tôi sẽ nói về chữ “tế”. Chữ tế này về mặt chữ thì có bốn ý nghĩa:

- Ý nghĩa thứ nhất: biên giới hoặc nơi gần biên giới như chân trời, mép nước, giao mùa xuân hạ.
- Ý nghĩa thứ hai là giữa đôi bên. Ví dụ như quốc tế.
- Ý nghĩa thứ ba là ngay lúc nói. Ví dụ như trước mắt đang là lúc cần người.
- Ý nghĩa thứ tư là: gặp đúng lúc thích hợp nói. Ví dụ như: nhân pháp hội lớn này.

Sách Chân Giải giải thích chữ “tế” như sau: “Chỗ hay của thật tướng là viên mãn lý tương ứng đến cực điểm”. Tức là nói đem chỗ hay của thật tướng truy cứu đến tận cùng lý thể của nó, căn nguyên của nó, rốt ráo đến tột cùng, đạt đến cực điểm, không còn gì hơn thì gọi là tế. Nay gọi “chân thật chi tế”, chánh hiển lý thể hay đến cực điểm của chân như thật tướng, cũng chính là sở tri, sở kiến của Phật vậy. Thế nào là sở tri sở kiến của Phật? Đó là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Một đời giáo hóa của Thích-ca Mâu-ni Phật có sự-ly, không-hữu, đốn-tiệm, đủ loại khác nhau, mà chỉ có pháp môn Tịnh độ được tán thán bởi khắp cả mười phương chư Phật, diệu pháp Tịnh độ khiến hết thảy hữu tình trong pháp giới đều quy về nhất Phật thừa. Ba bậc vãng sanh đều phải phát tâm Bồ-đề. Vãng Sanh Luận nói “hàng Nhị thừa không sanh”, phàm là vãng sanh đều đi bằng xe trâu trắng lớn, nhất định được Phật quả, đều dựa vào biển nguyện Nhất thừa, nhờ nguyện lực của Phật, trì danh vãng sanh, vượt khỏi tình chấp của chúng sanh, toàn thể đều là tri kiến Phật.

Nước non, chim chóc, cây cối thảy đều thuyết pháp, trong cây báu hiện mười phương cõi Phật, khắp nơi đều là cảnh giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm, không thể nghĩ bàn, đều khen ngợi diệu kiến của chư Phật. Cho nên Hội Sớ, Chân Giải đều nói: “Chỉ có thế nguyện nhất Phật thừa này, biển nhất thật chân như là chân thật chi tế”. Nay được các Đại sĩ trong pháp hội rộng vì chúng sanh tuyên diễn “thế nguyện nhất Phật thừa” mà chư Phật cùng tán thán, khai thị tri kiến Phật cho mười phương chúng sanh, nên kinh nói là “khai hóa hiện thị chân thật chi tế”.

Trì danh niệm Phật có hai loại: sự niệm và lý niệm. Lý nhất tâm có thể phá vô minh, hiện pháp thân, vãng sanh Tịnh độ bậc tối thượng là cõi Thường Tịch Quang, tịch-chiếu đồng thời, cõi nước và tâm bất nhị. Quán Kinh nói “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, nên mới biết thanh tịnh cõi nước chư Phật chính là thanh tịnh tâm của chính mình.

Tứ Liệu Giản nói:

*“Có Thiên, có Tịnh độ  
Như hổ mọc thêm sừng.  
Đời nay làm thầy người,  
Đời sau là Phật tổ”.*

Bài kệ của hòa thượng Bồ Đại thời Tùy Đường:

*“Chỉ có tâm, tâm tâm là Phật,  
Mười phương thế giới nó linh nhất,  
Đọc ngang diệu dụng đáng thương lắm,  
Hết thầy sao bằng tâm chân thật”.*

Cho nên chân thật chi tế cũng chính là tự tâm, khai hóa hiển thị chân thật chi tế cũng chính là: rõ bản tâm của mình, thấy bản tánh của mình. Còn pháp môn niệm Phật, năng niệm là Phật, sở niệm cũng là Phật. Phật năng niệm chính là bản tâm này, Phật sở niệm cũng chính là bản tâm, năng sở không hai, chỉ có một tâm, cho nên một tiếng Phật hiệu một tiếng tâm.

Kinh Đại Tập nói: “Nếu người chỉ niệm A-di-đà thì gọi là vô thượng thâm diệu thiên”. Cho nên Thiên tông và Tịnh độ chẳng phải là hai vật.

Một từ “chân thật” trong kinh Vô Lượng Thọ xuất hiện ba lần: Thứ nhất là “khai hóa hiển thị chân thật chi tế”; thứ hai là tỳ-kheo Pháp Tạng “trụ chân thật huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”; thứ ba là “Nhu Lai muốn cứu vớt chúng sanh, ban cho họ lợi ích chân thật”.

Ba điều chân thật trong bộ kinh này có thể khái quát như sau: Chân thật chi tế là lý thể của kinh này; Chân thật chi huệ là trang nghiêm thành tựu Cực Lạc Tịnh Độ; Chân thật chi lợi là bình đẳng ban khắp cho hết thảy chúng sanh. Chân thật chi tế là căn bản, từ chân thật chi tế sanh ra chân thật chi huệ, A-di-đà Phật trụ chân thật chi huệ để trang nghiêm Tịnh độ. Đã có pháp môn Tịnh độ thì có thể ban cho chúng sanh chân thật chi lợi.

Ba điều chân thật này: chân thật chi tế, chân thật chi huệ, chân thật chi lợi là chỗ nổi bật của kinh Vô Lượng Thọ, là chỗ tinh yếu nhất trong tinh yếu! Tuyệt!

Tuyệt diệu! Tịnh tông là chân thật chi tế trong chân thật chi tế, là nhất Phật thừa trong nhất Phật thừa, rất hay!

Chúng ta ngày nay học Phật, gặp được duyên phận tốt như vậy, thật sự gặp được quyền kinh tinh hoa trong hết thảy Phật pháp, gặp được vị thầy dẫn đường trăm ngàn vạn kiếp khó tìm cầu là lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không thì một đời này làm sao lại không thành tựu cho được?

Chúng ta phải ghi nhớ kỹ: Người học Phật quan trọng nhất là phải làm ra tấm gương tốt, để người học Phật thấy, để người niệm Phật thấy.

Chúng ta học theo lão hòa thượng Hải Hiền, bắt đầu làm từ những thứ nhỏ nhất trong cuộc sống, cả một đời lão hòa thượng chưa từng tức giận. Chú ý là một đời, 112 năm, 40.880 ngày, 981.120 giờ. Thôi không tính nữa, càng tính càng hồ thẹn. Trong 24 tiếng đồng hồ không tức giận, chúng ta có mấy ai làm được. Lão hòa thượng chưa từng giận ai đỏ mặt. Cho dù gặp ai, gặp chuyện gì, không điều gì không hoan hỷ, chưa từng oán hận người khác. Đó là gì? Đó là tu dưỡng căn bản của làm người. Còn chúng ta như thế nào? Nói mấy câu nghe không lọt tai, nghe không thuận tai thì khó chịu mất mấy ngày, sắc mặt giống như bầu trời u ám, mãi không hửng nắng lên được.

Tôi nhớ lúc mẹ chồng còn sống từng nói với tôi, con xem khuôn mặt khó chịu của người này người kia người nọ, nhìn một lần không muốn nhìn lần nữa. Mẹ chồng tôi là một cụ già không biết chữ, mặc dù không có văn hóa nhưng mà vốn từ dân gian của mẹ vô cùng phong phú. Những từ địa phương tôi nói mà mọi người nghe không hiểu đều là học từ mẹ chồng tôi.

Tôi thường nói với các đồng tu, tôi hy vọng mọi người: Học Phật phải học làm sao được khỏe mạnh, học làm sao được vui vẻ, học làm sao được tự tại. Nếu như mỗi ngày sắc mặt đều nặng nề, đó là đáng vẻ mà người học Phật không nên có. Mong bạn bỏ thí chút nụ cười, nụ cười mang đến sự ấm áp cho thế giới này.

Tôi tặng cho các bạn hai bài kệ:

*“Nhìn tướng tâm thường nhưng phi thường,  
Vĩ đại là thấy trong tâm thường,  
Đạo đức cao thượng ai biết được,  
Đủ để bạn, tôi học vạn năm,*

*Tín vững nguyện thiết hành thêm gắng,  
Ba điều chân thật phải nhớ kỹ,  
Niệm Di-đà, tịnh niệm tiếp nối,  
Vãng sanh Tây Phương có bảo chứng”.*

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây. Cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!